

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179A /2020/HNGĐ-ST

Ngày : 12/9/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Tài*
- *Các hội thẩm nhân dân : Bà Hoàng Thị Thành
Bà Cao Thị Chính*

Thư ký TA ghi biên bản phiên tòa : **Ông Thân Trọng Hiền - CBTA.**

Đại diện VKSND TP Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức

Cảnh – Kiểm Sát Viên

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1028/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 25/08/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - sinh năm : 1977

Địa chỉ: Xóm 4, thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ, TP. Quy Nhơn.

Bị đơn : Anh Đào Văn L - Sinh năm: 1975

Địa chỉ: Xóm 4, thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ, TP. Quy Nhơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*** Chị và anh Đào Văn L trước khi kết hôn có tìm hiểu với nhau thời gian 6 tháng rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định tháng 10/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thường xuyên rượu chè về nhà đánh đập, dùng dao rựa hăm dọa chém chị rất nhiều lần, chị và gia đình có khuyên nhưng anh L không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài ngày càng gay gắt hơn, không tự hòa giải được, tuy sống chung nhà nhưng đã sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh L để ổn định cuộc sống.

Vợ chồng có 04 con chung tên: Đào Thị Nhi Á sinh ngày 22/10/1998; Đào Thị Nhi N, sinh ngày 21/3/2003; Đào Thị Nhi T, sinh ngày 25/5/2008; Đào Lê V, sinh ngày 05/6/2011.

Ly hôn chị xin nuôi 03 người con tên: Đào Thị Nhi N, Đào Thị Nhi T, Đào Lê V tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Riêng Đào Thị Nhi Á sinh ngày 22/10/1998 hiện nay trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay vợ chồng chị không nợ chung ai, không ai nợ chung vợ chồng.

*** Bị đơn anh Đào Văn L trình bày:** Anh thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như chị H khai bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, đến tháng 5/2019 vợ chồng bất đồng quan điểm, có lời qua tiếng lại, chị H xưng hô mầy tao với anh nên anh có cầm cái liềm cắt lúa hăm dọa chém chị H, chị Hồng bỏ chạy anh có đuổi theo đến cửa ngõ là anh quay vào, không có mâu thuẫn gì lớn, nay chị H xin ly hôn anh không chấp nhận vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh còn thương vợ con.

Vợ chồng có 04 con chung tên: Đào Thị Nhi Á, sinh ngày 22/10/1998; Đào Thị Nhi N , sinh ngày 21/3/2003; Đào Thị Nhi T, sinh ngày 25/5/2008; Đào Lê V, sinh ngày 05/6/2011.

Ly hôn anh xin nuôi 3 con tên: Đào Thị Nhi N , Đào Thị Nhi T, Đào Lê V, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Riêng Đào Thị Nhi Á sinh ngày 22/10/1998 hiện nay trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên anh không có yêu cầu gì.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay vợ chồng không nợ chung ai, không ai nợ chung vợ chồng .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

Chị Lê Thị H và anh Đào văn L trước khi kết hôn có tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã Canh Vinh, huyện Văn Canh tháng 10/1997, là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H khai : Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thường xuyên rượu chè về nhà đánh đập, dùng dao rựa hăm dọa chém chị rất nhiều lần, vợ chồng mâu thuẫn kéo dài ngày càng gay gắt hơn, không tự hòa giải được, tuy sống chung nhà nhưng đã ly thân từ tháng 3/2019 đến nay.

Anh L thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như chị H khai, Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, đến tháng 5/2019 vợ chồng bất đồng quan điểm, có lời qua tiếng lại, chị H xưng hô mầy tao với anh nên anh có cầm cái liềm cắt lúa hăm dọa chém chị H , vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không có gì lớn, nay chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý , vì anh còn thương vợ con,

Tại phiên tòa hôm nay chị H cương quyết xin ly hôn anh L HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H đối với anh L .

Trong quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung tên: Đào Thị Nhi Á , sinh ngày 22/10/1998; Đào Thị Nhi N , sinh ngày 21/3/2003; Đào Thị Nhi T , sinh ngày 25/5/2008; Đào Lê V , sinh ngày 05/6/2011.

Ly hôn chị nhận nuôi cháu Đào Thị Nhi Trinh, và giao cháu Đào Thị Nhi N và Đào Lê V cho anh Đào Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Đào Thị Nhi Á sinh ngày 22/10/1998 hiện nay trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên chị không có yêu cầu gì.

Anh L đồng ý theo ý kiến và yêu cầu của chị H , anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Đào Thị Nhi Á sinh ngày 22/10/1998 hiện nay trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên anh không có yêu cầu gì.

Yêu cầu của chị H và anh L là phù hợp với quy định tại Điều 81,82 của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Riêng cháu Đào Thị Nhi Á sinh ngày 22/10/1998 hiện nay trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường, chị H và anh L không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xét.

Tại phiên tòa hôm nay, vị Đại diện VKSND thành phố Quy Nhơn phát biểu việc tuân theo quy định pháp luật tố tụng Dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án : Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử, Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H xin ly hôn anh L, về con chung: Giao cháu Đào Thị Nhi T , cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Đào Thị Nhi N , Đào Lê V cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; Cháu Á đã trưởng thành, nên các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết , Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đến khi nào các bên có yêu cầu, án phí HNGĐ chi H chịu theo quy định về án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Đào Văn L

2- Về con chung: Chị H được trực tiếp nuôi 01 con chung tên: Đào Thị Nhi T , sinh ngày 25/5/2008; Anh L được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Đào Thị Nhi N , sinh ngày 21/3/2003 và : Đào Lê V, sinh ngày 05/6/2011.

+ Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3-Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

4- Về án phí HNGĐST: Lê Thị H phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai **số 0002184 ngày 01/11/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự TP Quy Nhơn. Chị H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

VKSND Tp. Quy Nhơn;
-TAND tỉnh Bình Định;
-Đương sự;
-Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM -
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tài

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

Vào hồi 10 giờ 00 ngày 12 tháng 3 năm 2020

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : **Ông Nguyễn Văn Tài**

- *Các hội thẩm nhân dân* : **Bà Hoàng Thị Thành**

:Bà Cao Thị Chính

Căn cứ vào điều 264 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự.

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 1028/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng - sinh năm : 1977

Địa chỉ: Xóm 4, thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ, TP. Quy Nhơn.

Bị đơn : Anh Đào Văn Lữ - Sinh năm: 1975

Địa chỉ: Xóm 4, thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ, TP. Quy Nhơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT 3/3

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng được ly hôn anh Đào Văn Lữ.

2-Về con chung: Chị Hồng được trực tiếp nuôi 01 con chung tên: Đào Thị Nhi Trinh, sinh ngày 25/5/2008;; Anh Lữ được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Đào Thị Nhi Nguyệt, sinh ngày 21/3/2003 và : Đào Lê Vinh, sinh ngày 05/6/2011.

+ Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồng và anh Lữ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3-Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

4- Về án phí HNGĐST: Lê Thị Hồng phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai **số 0002184 ngày 01/11/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự TP Quy Nhơn. Chị Hồng đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 12 tháng 3 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

VKSND Tp. Quy Nhơn;
 -TAND tỉnh Bình Định;
 -Đương sự;
 -Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM -
 THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày... tháng...năm.....

Tại:⁽²⁾

Với Hội đồng xét xử⁽³⁾ gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁴⁾

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số...../...../.....-.....⁽⁵⁾

ngày.....tháng.....năm.....về⁽⁶⁾ giữa:

Nguyên đơn

Bị đơn

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan⁽⁷⁾

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
 QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU⁽⁹⁾**

.....

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.
Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H).
- (2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện S, thành phố H).
- (3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.
- (4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.
- (5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi “TLST”, nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi “TLPT”; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.
- (8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lễ công bằng (nếu có).
- (9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.

Hội thẩm nhân dân:
tòa

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Văn Thị Minh Hoà

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:⁽²⁾/...../.....

Ngày:⁽³⁾-.....-.....

V/v tranh chấp⁽⁴⁾

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN ⁽⁵⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁶⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà)

2. Ông (Bà)

3. Ông (Bà)

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)⁽⁷⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân ⁽⁸⁾ *tham gia phiên tòa:*

Ông
Kiểm sát viên.

(Bà).....-

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁹⁾ tại
xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....⁽¹¹⁾ ngày.....
tháng..... năm..... về tranh chấp.....⁽¹²⁾
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày..... tháng.....
năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:⁽¹³⁾
- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁴⁾
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:⁽¹⁵⁾
2. Bị đơn:⁽¹⁶⁾
- Người đại diện hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁷⁾
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:⁽¹⁸⁾
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):⁽¹⁹⁾
- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽²⁰⁾
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽²¹⁾
4. Người làm chứng:⁽²²⁾
5. Người giám định:⁽²³⁾
6. Người phiên dịch:⁽²⁴⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN:⁽²⁵⁾

.....
.....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽²⁶⁾

- [1]
[2]
[3]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.....⁽²⁷⁾
(28), ...
.....⁽²⁹⁾

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-ĐS:—

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

- (1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).
- (3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.
- (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần

trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)